| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Bà Đoàn Thị Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Trần Anh Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Xuân Trường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Lệ Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)
Nơi ĐKHK: thôn Bài Giữa, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
Hiện ở: số 15, ngách 43/98, phố Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

*2. Bị đơn*: anh Hoàng Ngọc S, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Nơi thường trú: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2024, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Ngọc S kết hôn tháng 4 năm 2015, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh S không chung thuỷ, có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ tháng 7 năm 2023 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Hoàng Phúc K, sinh ngày 06/3/2015. Hiện con chung đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị T có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S. Về con chung: chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Hoàng Phúc K, sinh ngày 06/3/2015, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Ngọc S trong quá trình giải quyết vụ án anh S không đến Tòa án làm việc, không nộp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn với anh và yêu cầu giải quyết về con chung, tại phiên toà anh S vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Ngọc S.

Về con chung: giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Hoàng Phúc K, sinh ngày 06/3/2015, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Hoàng Ngọc S có nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa anh S vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh S là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh S kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau. Từ tháng 7 năm 2023, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh S. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết anh Hoàng Ngọc S kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 2015. Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh S phát sinh mâu thuẫn địa phượng không rõ. Đến nay, chị T xin ly hôn anh S đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy, chị T và anh S đã sống ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: chị T và anh S có 01 con chung là Hoàng Phúc K, sinh ngày 06/3/2015. Vợ chồng ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: chị T và anh S có 01 con chung chưa thành niên, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K. Chị T hiện làm kinh doanh có thu nhập ổn định nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản tự khai cháu K có nguyện vọng được ở với chị T. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc cháu K nên cần giao cho chị T nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị T  phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56;

khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Ngọc S.

2.Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung là Hoàng Phúc K, sinh ngày 06/3/2015. Anh Hoàng Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Ngọc S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Hoàng Ngọc S thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006804 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Lam Cốt;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Oanh**